

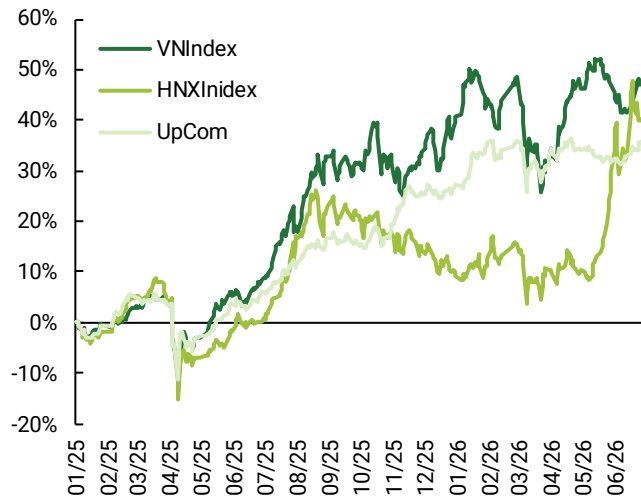
VN-Index **1860.01 (0.27%)**
748 Tr. cổ phiếu 19593.7 Tỷ VND (11.99%)

HNX-Index **313.16 (-1.52%)**
42 Tr. cổ phiếu 704.2 Tỷ VND (-28.13%)

UPCOM-Index **129.94 (0.48%)**
22 Tr. cổ phiếu 277.4 Tỷ VND (-22.90%)

VN30F1M **1997.60 (-0.62%)**
119,767 HD OI: 32,407 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1860.0, tăng +5.0 điểm (+0.27%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường cân bằng. Sắc đỏ ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Dòng tiền tiếp tục luân chuyển nhanh giữa các nhóm ngành trong bối cảnh nhóm trụ lớn vẫn thiếu đồng thuận.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+1.3%), KBC (+1.8%) | Dịch vụ tài chính: BSI (+2.3%), TCI (+3.9%), CTS (+4.0%) | Xây dựng và Vật liệu: PC1 (+4.0%), VGC (+4.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (+1.3%), TV2 (+1.7%), GEX (+3.5%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: LPB (-2.2%), STB (-1.5%), ACB (-1.1%) | Tài nguyên Cơ bản: HPG (-1.5%), TTF (-0.9%) | Dầu khí: BSR (-1.0%), PLX (-0.8%) | Bán lẻ: MWG (-1.1%), DGW (-0.1%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, MCH, VPL, VCB - Chiều giảm | LPB, HPG, VNM, TCB, STB.
Khối ngoại Bán ròng hơn 1100 tỷ, tập trung nhiều ở VPB, FPT, VNM, trong khi mua ròng VIC, GEX, VCB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Spinning Top, tiếp tục trạng thái giằng co quanh khu vực 1850 - 1870 điểm. Dù vậy, thanh khoản cải thiện cùng phản ứng tích cực của phần lớn cổ phiếu tại các vùng hỗ trợ cho thấy tâm lý thị trường đang dần ổn định. Tuy nhiên, động lực bứt phá vẫn chưa rõ ràng, khiến dòng tiền còn phân hóa và luân chuyển nhanh giữa các nhóm ngành. Nếu tích lũy tốt, chỉ số có khả năng quay lại kiểm định vùng kháng cự 1880-1890 điểm. Trong kịch bản tích cực hơn, đà tăng có thể mở rộng lên vùng đỉnh cũ 1930 điểm. Ngược lại, ngưỡng 1825 điểm hiện đóng vai trò hỗ trợ ngắn hạn cần theo dõi. **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục dao động mạnh trên vùng cao. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động ở mã THD và KSF, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu các cổ phiếu này mất đà.
- **Chiến lược:** Vị thế nghiêng về Năm giữ. Mặt bằng cổ phiếu đang cho trạng thái cân bằng tốt quanh các vùng hỗ trợ ngắn hạn. Tuy nhiên, động lực bứt phá vẫn chưa rõ ràng. Rủi ro sẽ xuất hiện khi chỉ số điều chỉnh trở lại. Trong bối cảnh đó, trạng thái vận động ở từng mã sẽ phân hóa, nhà đầu tư nên theo dõi sát diễn biến dòng tiền và cấu trúc giá của từng cổ phiếu để quản trị rủi ro phù hợp. Tránh mua bình quân khi xu hướng kiểm định chưa rõ ràng, cũng như hạn chế tâm lý hưng phấn khi giá chưa thực sự bứt phá khỏi kháng cự.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi BMP (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,860.0	0.3%	-0.5%	-0.2%	19,593.7	12.0%	-36.9%	-0.2%	747.5	15.6%	-21.0%	8.4%
HNX-Index	313.2	-1.5%	-4.1%	6.2%	704.2	-28.1%	-38.2%	-20.0%	41.6	-29.2%	-31.1%	-16.5%
UPCOM-Index	129.9	0.48%	2.0%	3.8%	277.4	-22.9%	-72.7%	-35.1%	21.6	15.8%	-60.9%	-48.5%
VN30	1,995.7	-0.4%	0.0%	-0.1%	10,501.2	0.5%	-55.1%	-12.0%	312.5	20.4%	-44.1%	3.6%
VNMID	2,130.5	0.44%	0.5%	-0.9%	7,104.7	18.3%	17.7%	13.0%	296.3	3.4%	-1.3%	-3.1%
VNSML	1,343.1	0.29%	0.2%	-1.3%	785.6	52.4%	-13.9%	-7.9%	52.7	38.7%	-17.4%	-13.9%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	659.3	-0.2%	1.80%	2.6%	5,264.0	-8.1%	2.9%	-8.0%	240.7	2.6%	14.6%	0.8%
Bất động sản	1,000.8	1.0%	-2.2%	3.2%	2,746.5	-12.5%	-18.9%	-27.5%	77.3	6.7%	0.0%	-17.2%
Dịch vụ tài chính	315.7	0.3%	0.8%	2.2%	3,553.0	39.0%	35.1%	49.5%	154.7	34.8%	27.5%	38.4%
Công nghiệp	263.3	0.8%	0.5%	-3.4%	1,350.1	122.4%	64.3%	52.6%	40.1	133.6%	67.2%	50.3%
Tài nguyên cơ bản	514.0	-1.1%	-0.1%	-1.7%	802.9	84.1%	62.3%	49.0%	36.6	70.9%	50.6%	37.2%
Xây dựng - Vật Liệu	172.6	0.7%	2.4%	3.0%	713.4	-6.9%	18.1%	5.4%	32.8	-18.3%	11.0%	-8.3%
Thực phẩm	485.1	0.3%	-5.1%	-25.5%	1,285.0	16.9%	19.6%	22.3%	32.4	29.4%	29.0%	27.9%
Bán Lẻ	1,443.7	-0.6%	2.4%	2.6%	455.2	-25.2%	-25.5%	-23.2%	6.1	-26.1%	-24.2%	-24.6%
Công nghệ	384.7	-0.3%	-0.8%	-1.7%	534.1	9.2%	2.9%	-32.6%	8.3	4.3%	3.5%	-32.1%
Hóa chất	171.9	0.3%	-1.9%	-5.1%	251.6	-1.7%	-12.4%	-25.2%	7.4	-19.4%	-23.1%	-34.1%
Tiện ích	744.4	-0.3%	-0.6%	-4.1%	349.3	9.4%	-15.3%	6.6%	16.3	-11.3%	-21.3%	7.9%
Dầu khí	100.0	-0.8%	-2.1%	-13.0%	996.9	122.8%	87.26%	123.0%	31.1	95.2%	71.4%	111.5%
Dược phẩm	402.0	-0.46%	-1.0%	-2.2%	28.4	-10.0%	-8.0%	-36.7%	1.3	6.1%	2.3%	-33.9%
Bảo hiểm	102.0	-0.5%	-0.6%	-3.7%	15.6	-66.4%	-46.4%	-47.8%	0.4	-51.0%	-32.0%	-33.5%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,860.0	0.27%	4.2%	15.1x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,591	0.85%	26.3%	16.6x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	5,643	-3.05%	-34.7%	13.6x	1.5x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,385	0.04%	0.7%	15.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,037	-1.57%	-0.3%	9.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,094	0.50%	3.2%	20.2x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	22,881	-0.63%	-10.7%	11.9x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	70,062	0.86%	39.2%	25.7x	3.2x
S&P 500	Mỹ	7,440	1.18%	8.7%	27.4x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	52,183	0.59%	8.6%	25.1x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,596	1.06%	6.7%	17.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,305	1.18%	8.9%	17.9x	2.5x
DXY		101.3	-0.02%	3.1%		
USDVND		26,312	0.084%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

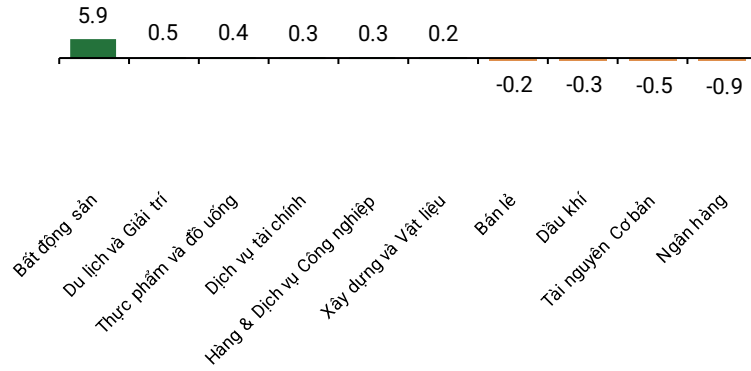
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.14%	-20.6%	20.0%	8.0%
Dầu WTI	▼	-0.06%	-19.1%	23.1%	8.6%
Khí gas	▲	1.5%	-1.8%	-12.4%	-6.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	12.6%	24.3%	57.0%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	-2.6%	1.6%	3.8%
PVC (*)	▬	0.2%	-10.3%	-4.2%	-11.4%
Phân Urea (*)	▼	-1.3%	-23.7%	0.1%	-6.2%
Cao su thiên nhiên	▲	1.8%	-5.8%	20.0%	32.8%
Bông Cotton	▬	0.0%	-5.4%	12.0%	8.6%
Đường	▬	0.3%	2.0%	-4.5%	-9.3%
World Container Index	▬	0.0%	48.8%	88.2%	39.7%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.1%	-6.4%	46.7%	96.6%
Vàng	▬	0.34%	-11.3%	-6.7%	22.0%
Bạc	▲	1.32%	-21.6%	-17.6%	63.5%

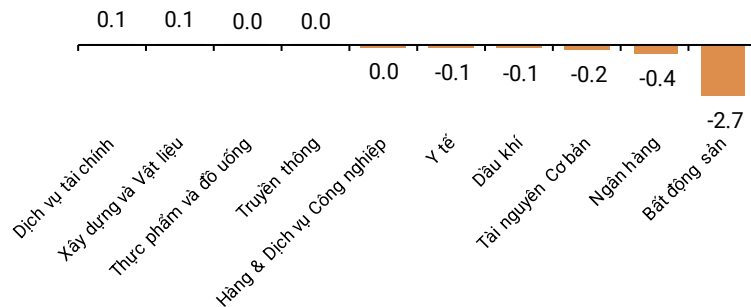
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

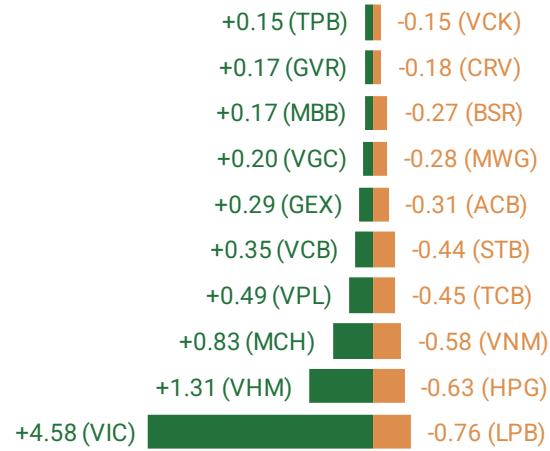
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



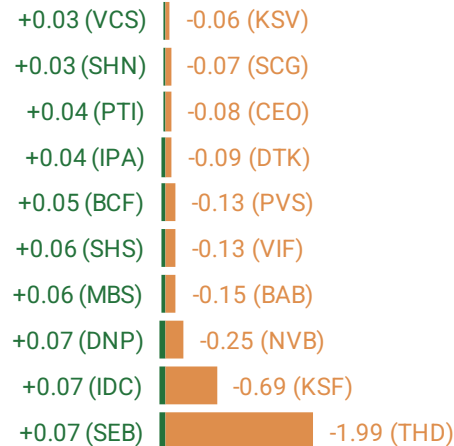
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

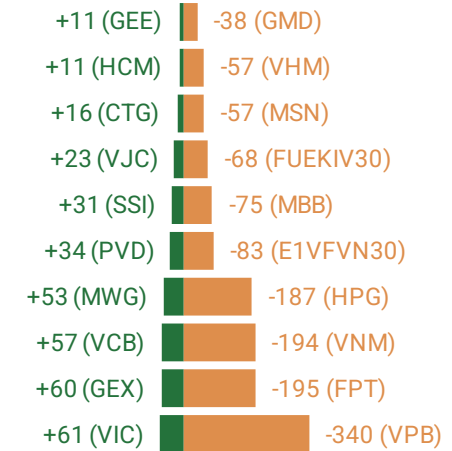


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

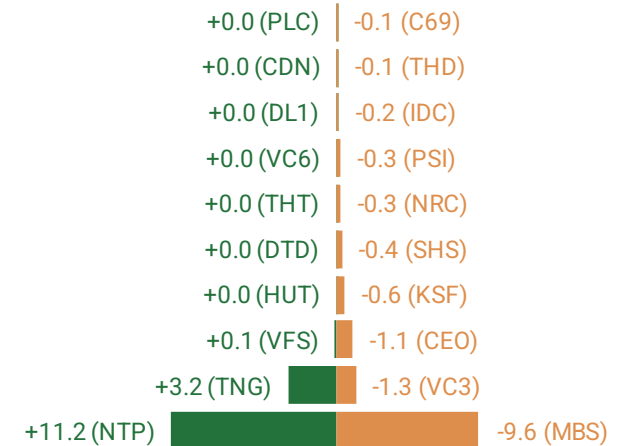


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



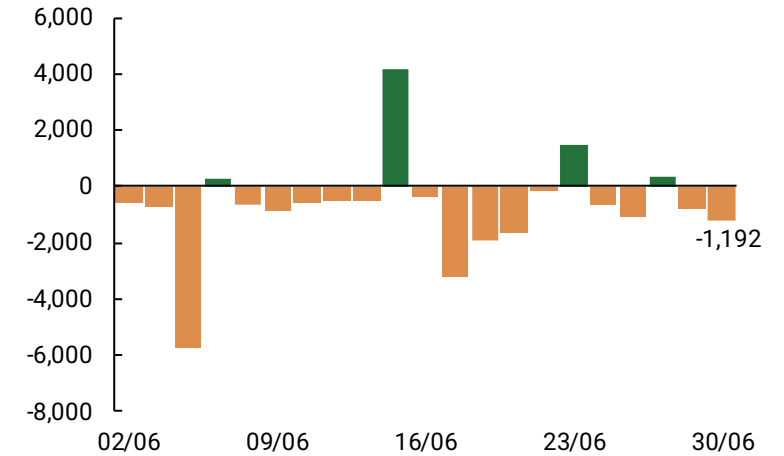
	VIC	SHB	GEX	HPG	TPB
%DoD	1.3%	-0.4%	3.5%	-1.5%	1.5%
Giá trị	858	784	751	718	538

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VJC	PVD	HCM	VPB	KBC
%DoD	0.5%	0.5%	0.9%	-0.2%	1.8%
Giá trị	861	703	649	568	536

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



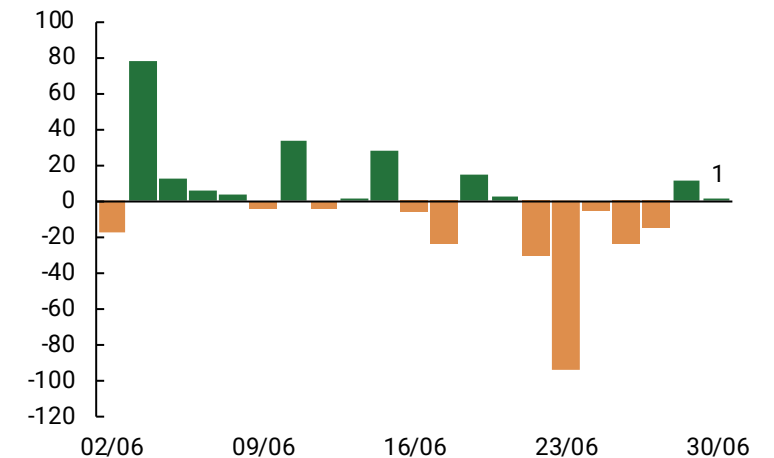
	SHS	MBS	PVS	CEO	VC3
%DoD	0.5%	0.5%	-1.0%	-1.3%	0.8%
Giá trị	143	59	54	46	26

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	TTL	HUT	TDT	ADC
%DoD	0.5%	8.2%	0.0%	0.0%	0.0%
Giá trị	93	16	5	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Spinning top, vol gần mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1825.
- ✓ Kháng cự: 1880 | 1920.
- ✓ MACD giữ đà đi lên trong khi RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: Vận động tiếp tục giằng co quanh khu vực 1850 - 1870 điểm. Dù vậy, thanh khoản và độ rộng đã cải thiện trở lại. Trạng thái này cần tiếp tục được duy trì trong các phiên tới. Nếu tích lũy tốt, có thể kỳ vọng chỉ số quay lại thử thách vùng 1880 - 1890 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1825 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1970.
- ✓ Kháng cự: 2020 | 2070.
- ✓ MACD giữ đà đi lên trong khi RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: VN30 tiếp tục biến động quanh mốc tâm lý 2000 điểm, nhưng lần này áp lực bán đã chiếm ưu thế hơn, kéo chỉ số về sắc đỏ. Vận động khả năng còn rung lắc, kiểm định thêm cung cầu quanh mốc tâm lý này. Kháng cự cao hơn trong chiều bứt phá quanh ngưỡng 2050 điểm, trong khi hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1970 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	BMP	WATCH	Current price	152.90	P/E (x)	10.0
Exchange	HOSE		Watch zone	148 - 150	P/B (x)	3.9
Sector	Building Materials & Fixtures		Target price	165	EPS	15218.3
			Cut loss price	141	ROE	41.5%
				Stock Rating	A	
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA20, MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD vận động trên đường tín hiệu cùng RSI cũng duy trì trên ngưỡng trung bình hàm ý động lượng tăng ổn định.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh kiểm định lại khu vực 148 - 150.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	BMP	Theo dõi	01/07/2026	152.9	148 - 150	-	165	10.7%	141	-5.4%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	25.2	25.9 - 26.1	-3.1%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	VCB	Mua	28/05/2026	-	62.2	63 - 63.5	-1.7%	70	10.7%	60	-5.1%	
3	VLB	Mua	11/06/2026	-	49.4	47.2 - 48	3.8%	52	9.2%	45.5	-4.4%	
4	DHC	Mua	11/06/2026	-	34.0	32.2 - 32.5	5.1%	35.5	9.7%	30.5	-5.7%	
5	SHS	Mua	15/06/2026	-	18.5	18.7 - 18.9	-1.6%	20.8	10.6%	17.8	-5.3%	
6	TPB	Mua	17/06/2026	-	16.6	16.1 - 16.4	2.2%	18	10.8%	15.4	-5.2%	
7	NAB	Mua	22/06/2026	-	13.2	12.2 - 12.4	7.3%	13.6	10.6%	11.6	-5.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1997.6, giảm 12 điểm (-0.6%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch và gia tăng mạnh về cuối phiên khiến giá mất mốc tâm lý 2000 điểm.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, giá tạo mẫu hình nến giảm Marubozu, bên cạnh các chỉ báo động lượng suy yếu như MACD mở rộng với đường signal cùng RSI giảm về dưới ngưỡng 50, hàm ý áp lực điều chỉnh trở lại chi phối. Dù vậy, giá cần xác nhận giao dịch thấp hơn ngưỡng 1998 để củng cố đà giảm, khi đó vị thế Short mới nên cân nhắc. Chiều ngược lại, vị thế Long có thể tham gia khi giá trở lại vận động trên ngưỡng 2010.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1930, giảm 7.5 điểm (-0.4%). Độ lệch basis 1.4 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 15 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1920 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1940 điểm.

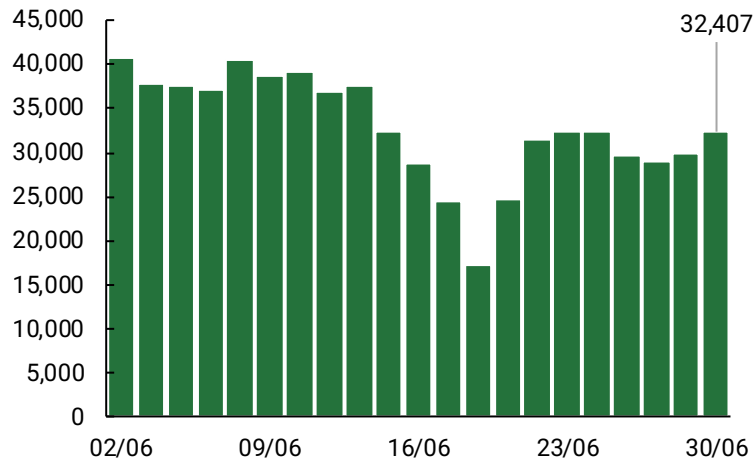
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2010	2024	2002	14 : 8
Short	< 1998	1984	2006	14 : 8

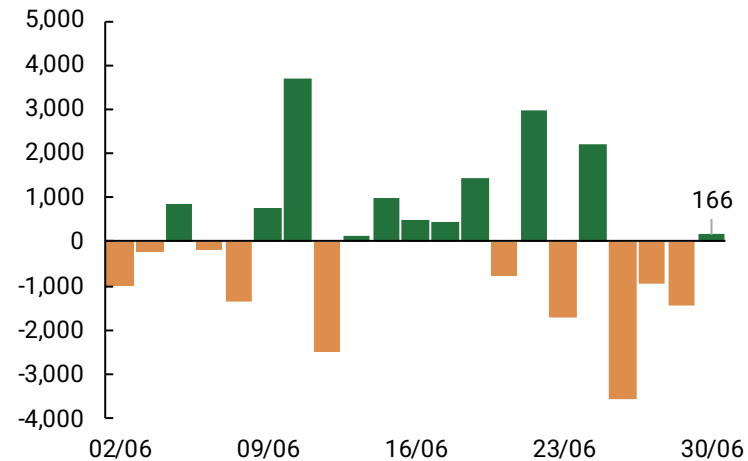
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	1,995.0	-10.6	82	721	2,009.8	-14.8	17/12/2026	170
4111G9000	2,000.3	-9.5	16	601	2,002.2	-1.9	17/09/2026	79
4111G8000	1,998.1	-10.8	193	584	1,999.9	-1.8	20/08/2026	51
4111G7000	1,997.6	-12.4	119,767	32,407	1,997.0	0.6	16/07/2026	16
4112G7000	1,930.1	-7.5	15	34	1,932.8	-2.7	16/07/2026	16

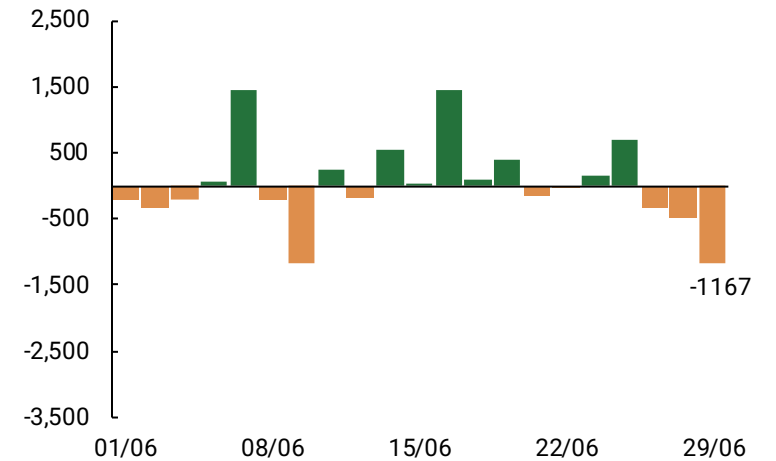
Khối lượng mở (Open interest)



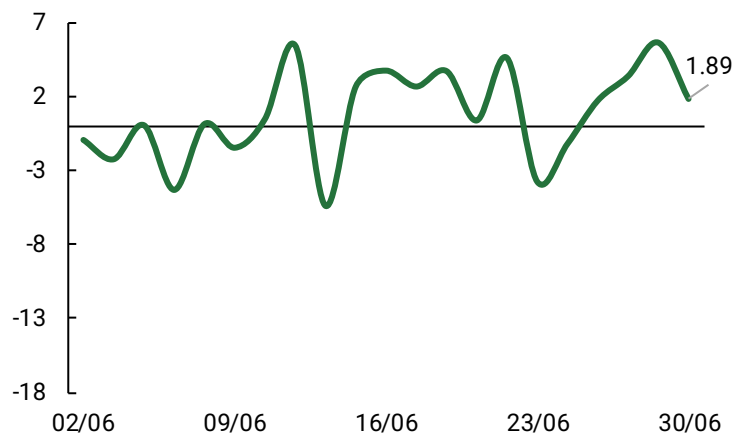
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



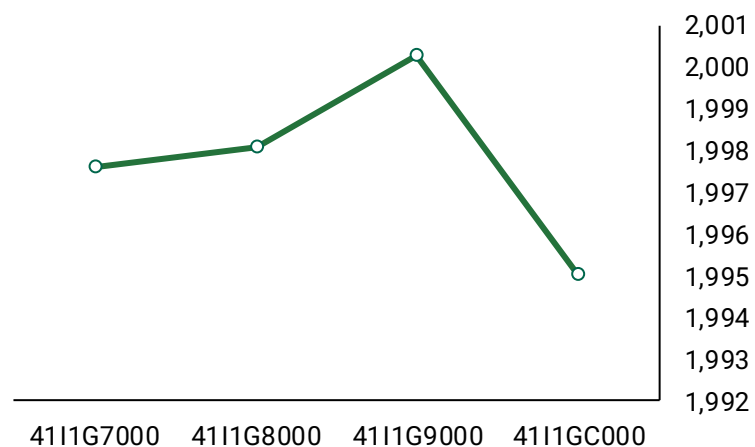
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



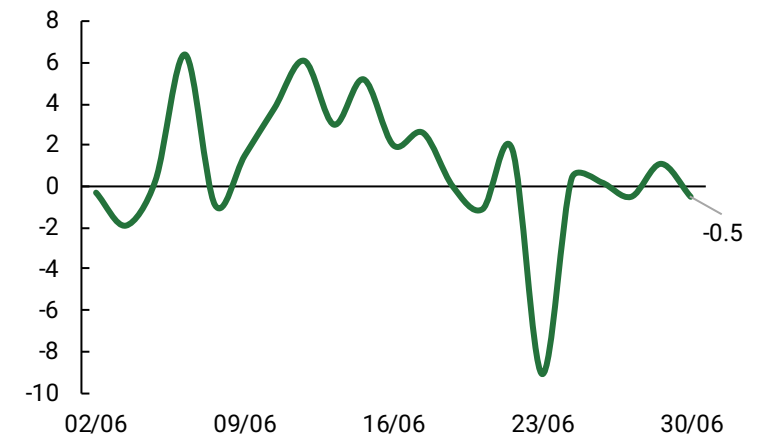
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh
Mỹ - FED công bố lãi suất
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

THÔNG TIN VĨ MÔ

Đồng yên Nhật chạm đáy 39 năm trước áp lực USD mạnh: Đồng yên giảm xuống 161.98 JPY/USD, mức thấp nhất kể từ cuối năm 1986, khi nhà đầu tư tiếp tục mua USD trước kỳ vọng Fed có thể tăng lãi suất thêm 1–2 lần trong năm nay. Dù BOJ đã nâng lãi suất chính sách lên 1% vào giữa tháng 6, lãi suất thực tại Nhật vẫn thấp, khiến đồng yên tiếp tục chịu áp lực. Diễn biến này làm gia tăng kỳ vọng Tokyo có thể can thiệp để ổn định tỷ giá.

Chính phủ yêu cầu nghiên cứu bổ sung thanh khoản cho hệ thống ngân hàng: Chính phủ giao NHNN tiếp tục nghiên cứu nâng tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại được tính vào nguồn vốn huy động, nhằm bổ sung thanh khoản cho hệ thống. Đồng thời, Bộ Tài chính có thể quyết định hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại, qua đó tăng phối hợp giữa chính sách tài khóa và tiền tệ, hỗ trợ nguồn vốn ngắn hạn cho nền kinh tế.

Việt Nam chính thức vận hành sàn giao dịch carbon trong nước: Sàn giao dịch carbon trong nước đã chính thức đi vào vận hành từ ngày 29/6, với thời hạn giao dịch thí điểm kéo dài đến 24/12/2027. Hàng hóa giao dịch gồm hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon, với hơn 511 triệu hạn ngạch được phân bổ trong giai đoạn đầu. Việc vận hành sàn carbon đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình hình thành thị trường carbon tại Việt Nam, hỗ trợ doanh nghiệp tối ưu chi phí tuân thủ và thúc đẩy chuyển đổi xanh.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VJC - Chuẩn bị gia nhập thị trường Úc: Vietjet Thái Lan chuẩn bị khai thác đường bay Bangkok - Sydney từ tháng 11/2026, đánh dấu bước mở rộng sang thị trường hàng không Úc. Tuyến bay dự kiến khai thác 4 chuyến/tuần bằng tàu bay Airbus A330-300, giúp Vietjet mở rộng mạng bay quốc tế và cạnh tranh trực tiếp với các hãng lớn như Qantas và Virgin Australia.

PET - Sắp phát hành hơn 48 triệu cổ phiếu để trả cổ tức và thưởng: Petrosetco dự kiến phát hành hơn 48 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 và cổ phiếu thưởng, với tổng tỷ lệ thực hiện 40%. Trong đó, doanh nghiệp phát hành hơn 24 triệu cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 20% và hơn 24 triệu cổ phiếu thưởng tỷ lệ 20%; nếu hoàn tất, vốn điều lệ PET sẽ tăng lên hơn 1,686 tỷ đồng.

FPT - Hoàn tất phát hành gần 11 triệu cổ phiếu ESOP: FPT đã hoàn tất phát hành gần 11 triệu cổ phiếu ESOP cho cán bộ nhân viên với giá 10,000 đồng/cp, thu về gần 110 tỷ đồng. Số cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong ba năm và nằm trong kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua.

MSB - Tất toán lô trái phiếu 1,000 tỷ đồng sau một năm phát hành: MSB đã tất toán trước hạn toàn bộ lô trái phiếu MSBL2427005 trị giá 1,000 tỷ đồng, kỳ hạn gốc ba năm và phát hành vào tháng 6/2025. Đây là lô trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm, với lãi suất cố định 5.5%/năm.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	52,400	73,400	40.1%	Mua
CTG	33,950	45,200	33.1%	Mua
CTD	72,700	82,900	14.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	52,000	68,000	30.8%	Mua
DDV	22,720	35,900	58.0%	Mua
DGW	40,200	47,500	18.2%	Tăng tỷ trọng
DPG	38,100	42,300	11.0%	Tăng tỷ trọng
DPR	38,800	46,500	19.8%	Tăng tỷ trọng
DRI	13,278	17,200	29.5%	Mua
EVF	13,100	14,400	9.9%	Nắm giữ
FRT	120,000	151,000	25.8%	Mua
GMD	73,600	92,700	26.0%	Mua
HAH	52,200	60,300	15.5%	Tăng tỷ trọng
HDG	20,800	30,900	48.6%	Mua
HHV	11,400	12,300	7.9%	Nắm giữ
HPG	23,300	30,700	31.8%	Mua
IMP	41,200	55,000	33.5%	Mua
KDH	21,600	38,800	79.6%	Mua
MCH	134,000	177,200	32.2%	Mua
MWG	78,100	115,600	48.0%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,200	34,000	34.9%	Mua
NLG	26,150	39,400	50.7%	Mua
NT2	22,850	27,700	21.2%	Mua
PHR	63,000	72,800	15.6%	Tăng tỷ trọng
PNJ	63,000	75,500	19.8%	Tăng tỷ trọng
PVS	38,100	39,900	4.7%	Nắm giữ
PVT	19,850	18,900	-4.8%	Giảm tỷ trọng
POW	14,700	15,000	2.0%	Nắm giữ
SAB	48,500	57,900	19.4%	Tăng tỷ trọng
SSI	26,750	32,100	20.0%	Tăng tỷ trọng
TLG	49,150	50,900	3.6%	Nắm giữ
TCB	33,500	41,700	24.5%	Mua
TCM	20,100	35,300	75.6%	Mua
TRC	80,200	94,800	18.2%	Tăng tỷ trọng
VCB	62,200	84,200	35.4%	Mua
VPB	27,000	36,500	35.2%	Mua
VCG	20,800	26,200	26.0%	Mua
VHC	59,500	58,000	-2.5%	Giảm tỷ trọng
VNM	54,800	66,650	21.6%	Mua

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801